

Số: 327/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen cho sinh viên Ngành Thương mại Điện tử
Đạt thành tích tốt Trong học tập và rèn luyện
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ 1 năm học 2021 - 2022;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho 212 sinh viên Ngành Thương mại Điện tử đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2: Sinh viên được nhận giấy khen của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN TỐT
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 327/QĐ-ĐHCNTT ngày 18 tháng 5 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
1.	18520004	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	TMĐT2018	8.84	100	Giỏi
2.	18520023	Hoàng Ngọc Phương Dung	TMĐT2018	8.03	100	Giỏi
3.	18520085	Phùng Mỹ Liên	TMĐT2018	8.98	100	Giỏi
4.	18520125	Trịnh Minh Phát	TMĐT2018	8.13	86	Giỏi
5.	18520148	Đào Nhật Tân	TMĐT2018	8.01	100	Giỏi
6.	18520190	Bùi Thúy Vi	TMĐT2018	8.51	100	Giỏi
7.	18520293	Trần Cao Viết Khoa	TMĐT2018	8.03	86	Giỏi
8.	18520371	Bùi Anh Thư	TMĐT2018	8.03	84	Giỏi
9.	18520373	Hồng Thế Tiến	TMĐT2018	8.04	100	Giỏi
10.	18520462	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TMĐT2018	8.32	100	Giỏi
11.	18520520	Nguyễn Song Ngân Châu	TMĐT2018	8.05	100	Giỏi
12.	18520549	Vũ Xuân Cường	TMĐT2018	8.3	100	Giỏi
13.	18520618	Phạm Hoàng Đức	TMĐT2018	8.25	100	Giỏi
14.	18520640	Triệu Thị Thùy Dung	TMĐT2018	8.61	100	Giỏi
15.	18520800	Nguyễn Hải Hưng	TMĐT2018	8.5	100	Giỏi
16.	18520808	Phùng Thế Hùng	TMĐT2018	8.06	81	Giỏi
17.	18520814	Nguyễn Thị Diễm Hương	TMĐT2018	8.65	100	Giỏi
18.	18520866	Hồ Công Huynh	TMĐT2018	8.89	100	Giỏi
19.	18521078	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	TMĐT2018	8.51	100	Giỏi
20.	18521200	Hồ Thị Yến Nhi	TMĐT2018	8.14	100	Giỏi
21.	18521203	Lê Thị Thanh Nhi	TMĐT2018	8.55	100	Giỏi
22.	18521214	Nguyễn Thị Huỳnh Như	TMĐT2018	8.45	91	Giỏi
23.	18521271	Hỷ Hoa Phương	TMĐT2018	8.96	100	Giỏi
24.	18521358	Đinh Thanh Tài	TMĐT2018	8.14	86	Giỏi
25.	18521374	Đặng Ngọc Tân	TMĐT2018	8.15	86	Giỏi
26.	18521412	Nguyễn Thị Thành	TMĐT2018	8.14	100	Giỏi
27.	18521413	Trần Diệp Thanh Thanh	TMĐT2018	8.25	89	Giỏi
28.	18521434	Đặng Thị Ánh Thìn	TMĐT2018	8.19	100	Giỏi
29.	18521525	Vòng Thủy Thủy Trang	TMĐT2018	8.34	96	Giỏi
30.	18521618	Đinh Thị Khánh Tường	TMĐT2018	8.08	100	Giỏi
31.	19520056	Võ Nguyễn Phương Dung	TMĐT2019	9.13	100	Xuất sắc
32.	19520090	Đặng Việt Hoàng	TMĐT2019	8.34	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
33.	19520146	Nguyễn Nhật Linh	TMĐT2019	8.02	100	Giỏi
34.	19520174	Nguyễn Thị Hằng Nga	TMĐT2019	8.61	100	Giỏi
35.	19520294	Nguyễn Thị Cẩm Thùy	TMĐT2019	8.32	100	Giỏi
36.	19520391	Trương Lê Bảo Anh	TMCL2019.1	8.51	100	Giỏi
37.	19520475	Lê Phan Thùy Dung	TMĐT2019	8.74	100	Giỏi
38.	19520780	Trần Nguyễn Minh Ngọc	TMĐT2019	8.74	100	Giỏi
39.	19520804	Đỗ Phương Long Nhật	TMCL2019.1	8.09	95	Giỏi
40.	19521100	Ngô Thị Tường Vi	TMCL2019.1	8.26	95	Giỏi
41.	19521130	Nguyễn Thị Hồng Yến	TMĐT2019	8.53	100	Giỏi
42.	19521177	Lê Thị Xuân An	TMCL2019.1	8.26	100	Giỏi
43.	19521180	Nguyễn Hoàng Ân	TMCL2019.1	8.12	100	Giỏi
44.	19521198	Ngô Thị Tuyết Anh	TMĐT2019	8.27	100	Giỏi
45.	19521209	Phan Mai Kiều Anh	TMĐT2019	8.41	100	Giỏi
46.	19521218	Trần Nhật Anh	TMCL2019.1	8.02	100	Giỏi
47.	19521305	Trần Linh Đa	TMCL2019.1	8.46	100	Giỏi
48.	19521390	Lê Thùy Dung	TMCL2019.1	8.07	91	Giỏi
49.	19521469	Nguyễn Thu Hằng	TMĐT2019	8.31	96	Giỏi
50.	19521476	Lê Nhật Hào	TMĐT2019	8.52	100	Giỏi
51.	19521521	Trần Tuy Hòa	TMCL2019.1	8.53	100	Giỏi
52.	19521531	Đinh Việt Hoàng	TMCL2019.2	8.22	100	Giỏi
53.	19521557	Đặng Ngân Huệ	TMCL2019.1	8.15	100	Giỏi
54.	19521560	Đặng Đỗ Đăng Hưng	TMCL2019.1	8.56	100	Giỏi
55.	19521572	Nguyễn Minh Hưng	TMCL2019.1	8.37	91	Giỏi
56.	19521580	Phạm Quốc Duy Hưng	TMĐT2019	8.84	100	Giỏi
57.	19521593	Nguyễn Thị Hương	TMCL2019.1	8.28	96	Giỏi
58.	19521595	Nguyễn Thị Viêt Hương	TMCL2019.1	8.24	100	Giỏi
59.	19521615	Lê Hữu Huy	TMCL2019.1	8.59	100	Giỏi
60.	19521621	Nguyễn Huỳnh Minh Huy	TMCL2019.1	8.21	100	Giỏi
61.	19521734	Bùi Đức Lâm	TMCL2019.1	8.53	100	Giỏi
62.	19521749	Phan Thị Liễu	TMCL2019.1	8.16	86	Giỏi
63.	19521751	Hoàng Diệu Linh	TMĐT2019	8.53	100	Giỏi
64.	19521859	Huỳnh Thảo Muội	TMĐT2019	8.16	100	Giỏi
65.	19521861	Lê Thị Trà My	TMĐT2019	8.54	100	Giỏi
66.	19521864	Lê Hoàng Thùy Na	TMĐT2019	8.34	100	Giỏi
67.	19521870	Nguyễn Đỗ Trung Nam	TMCL2019.1	8.15	100	Giỏi
68.	19521883	Hà Thiên Ngân	TMCL2019.1	8.09	81	Giỏi
69.	19521885	Mai Thị Hà Ngân	TMĐT2019	8.63	100	Giỏi
70.	19521886	Nguyễn Đặng Quốc Ngân	TMCL2019.2	8.23	100	Giỏi
71.	19521961	Huỳnh Thị Hồng Nhi	TMCL2019.2	8	100	Giỏi
72.	19521962	Huỳnh Thị Yến Nhi	TMĐT2019	8.03	100	Giỏi
73.	19522016	Võ Duy Phong	TMĐT2019	8.26	100	Giỏi

N²

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
74.	19522060	Lê Thị Kim Phượng	TMĐT2019	8.27	100	Giỏi
75.	19522103	Từ Văn Quang	TMĐT2019	8.22	100	Giỏi
76.	19522112	Lê Thị Thủy Quyên.	TMCL2019.2	8.49	100	Giỏi
77.	19522138	Nguyễn Thanh Sơn	TMCL2019.2	8.25	100	Giỏi
78.	19522163	Nguyễn Ngọc Tâm	TMCL2019.2	8.59	100	Giỏi
79.	19522247	Vũ Phú Thành	TMCL2019.2	8.33	100	Giỏi
80.	19522251	Vũ Thị Phương Thảo	TMCL2019.2	8.13	100	Giỏi
81.	19522296	Vũ Phương Thoa	TMCL2019.2	8	100	Giỏi
82.	19522306	Ngô Anh Thư	TMĐT2019	8.53	100	Giỏi
83.	19522341	Nguyễn Thùy Tiên	TMCL2019.2	8.27	95	Giỏi
84.	19522377	Trần Gia Trân	TMĐT2019	8.3	100	Giỏi
85.	19522380	Hoàng Thu Trang	TMCL2019.2	8.16	100	Giỏi
86.	19522381	Lê Thị Kim Trang	TMCL2019.2	8.5	100	Giỏi
87.	19522382	Lê Thị Thu Trang	TMĐT2019	8.05	100	Giỏi
88.	19522386	Nguyễn Đình Minh Trí	TMCL2019.2	8.42	81	Giỏi
89.	19522413	Dương Lê Thanh Trúc	TMCL2019.2	8.31	100	Giỏi
90.	19522414	Huỳnh Thị Anh Trúc	TMCL2019.1	8.25	100	Giỏi
91.	19522507	Hồ Thị Thanh Vân	TMĐT2019	8.53	100	Giỏi
92.	19522557	Phạm Nguyễn Hoàng Yến	TMĐT2019	8.22	100	Giỏi
93.	20520169	Lê Thị Phương Duyên	TMĐT2020	8.16	96	Giỏi
94.	20520207	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TMĐT2020	8.34	100	Giỏi
95.	20520249	Võ Trần Ngọc Minh	TMĐT2020	8.07	100	Giỏi
96.	20520255	Nguyễn Như Nguyễn Ngọc	TMĐT2020	8.5	100	Giỏi
97.	20520268	Võ Yến Ni	TMĐT2020	8.25	100	Giỏi
98.	20520282	Nguyễn Ngọc Đông Phương	TMĐT2020	8.62	100	Giỏi
99.	20520341	Nguyễn Thị Tú Vân	TMĐT2020	9.01	100	Xuất sắc
100.	20520356	Nguyễn Thị Thảo Vy	TMĐT2020	8.33	100	Giỏi
101.	20520384	Huỳnh Yến Anh	TMĐT2020	8.8	100	Giỏi
102.	20520493	Lê Đức Hậu	TMĐT2020	8.19	100	Giỏi
103.	20520497	Vũ Minh Hiền	TMĐT2020	8.13	100	Giỏi
104.	20520511	Đỗ Thị Cúc Hoa	TMĐT2020	8.1	100	Giỏi
105.	20520627	Phạm Thị Thanh Mai	TMĐT2020	8.22	100	Giỏi
106.	20520662	Trần Thị Thanh Nguyên	TMĐT2020	8.68	100	Giỏi
107.	20520700	Lê Minh Phụng	TMĐT2020	8	100	Giỏi
108.	20520851	Phạm Quang Tùng	TMCL2020	8.19	100	Giỏi
109.	20520948	Lê Anh Tuấn	TMCL2020	8.01	100	Giỏi
110.	20521186	Trần Thị Diệp	TMĐT2020	8.77	100	Giỏi
111.	20521241	Nguyễn Phương Duy	TMCL2020	8.3	100	Giỏi
112.	20521244	Nguyễn Thanh Duy	TMCL2020	8.66	100	Giỏi
113.	20521254	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	TMĐT2020	8.61	100	Giỏi
114.	20521262	Nguyễn Thị Trà Giang	TMĐT2020	8.22	95	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
115.	20521303	Trịnh Văn Hậu	TMĐT2020	8.51	100	Giỏi
116.	20521304	Ma Thị Thu Hiền	TMĐT2020	8.07	100	Giỏi
117.	20521624	Võ Kiều My	TMCL2020	8.14	100	Giỏi
118.	20521644	Đặng Thị Thanh Ngân	TMĐT2020	8.56	100	Giỏi
119.	20521657	Trần Trọng Nghĩa	TMCL2020	9.17	100	Xuất sắc
120.	20521715	Nguyễn Phương Yến Nhi	TMCL2020	8.48	100	Giỏi
121.	20521829	Phan Phạm Diễm Quỳnh	TMĐT2020	8.74	100	Giỏi
122.	20521860	Nguyễn Thy Anh Tài	TMĐT2020	8.66	100	Giỏi
123.	20521878	Nguyễn Minh Tân	TMĐT2020	9.29	100	Xuất sắc
124.	20521884	Nguyễn Châu Thạch	TMĐT2020	9.38	100	Xuất sắc
125.	20521934	Nguyễn Thanh Thảo	TMĐT2020	8.03	95	Giỏi
126.	20521941	Ngô Ngọc Thi	TMĐT2020	8.19	100	Giỏi
127.	20521942	Nguyễn Bảo Thi	TMCL2020	8.59	95	Giỏi
128.	20521979	Hà Minh Thông	TMCL2020	8.17	100	Giỏi
129.	20522003	Dương Thanh Thủy	TMCL2020	8.76	100	Giỏi
130.	20522005	Phan Phi Thuyền	TMCL2020	8.13	100	Giỏi
131.	20522138	Đào Thị Thu Uyên	TMĐT2020	9.04	100	Xuất sắc
132.	21520179	Đỗ Tiến Đạt	TMCL2021	8.05	86	Giỏi
133.	21520193	Hoàng Minh Đức	TMCL2021	8.03	98	Giỏi
134.	21520216	Nguyễn Minh Hà	TMCL2021	8.67	100	Giỏi
135.	21520224	Trần Ngọc Như Hào	TMCL2021	8.61	100	Giỏi
136.	21520227	Đoàn Văn Anh Hiền	TMCL2021	8.63	95	Giỏi
137.	21520244	Vũ Minh Hoàng	TMCL2021	9.39	100	Xuất sắc
138.	21520254	Phạm Quốc Hưng	TMCL2021	8.6	100	Giỏi
139.	21520286	Trần Quang Khánh	TMĐT2021	9.08	100	Xuất sắc
140.	21520313	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	TMĐT2021	8.02	100	Giỏi
141.	21520324	Lê Trần Thùy Linh	TMĐT2021	8.64	100	Giỏi
142.	21520344	Đàm Quang Minh	TMĐT2021	8.88	100	Giỏi
143.	21520404	Đặng Ánh Phước	TMĐT2021	8.25	95	Giỏi
144.	21520440	Nguyễn Thị Nhật Tâm	TMCL2021	8.31	100	Giỏi
145.	21520477	Trương Phương Thy	TMCL2021	8.21	100	Giỏi
146.	21520534	Nguyễn Thị Thủy Vy	TMCL2021	8.46	98	Giỏi
147.	21520535	Phạm Nguyễn Hà Vy	TMĐT2021	8.12	100	Giỏi
148.	21520537	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	TMĐT2021	8.64	95	Giỏi
149.	21520577	Nguyễn Thị Minh Anh	TMCL2021	8.27	100	Giỏi
150.	21520585	Phạm Ngọc Phương Anh	TMCL2021	8.53	100	Giỏi
151.	21520644	Lê Bảo Châu	TMCL2021	8.83	100	Giỏi
152.	21520801	Nguyễn Đặng Hoàng Hà	TMCL2021	8.15	100	Giỏi
153.	21520806	Đào Gia Hải	TMCL2021	9.11	100	Xuất sắc
154.	21520887	Hoàng Minh Hưng	TMCL2021	8.71	100	Giỏi
155.	21521039	Vũ Đình Tuấn Kiệt	TMCL2021	9.09	100	Xuất sắc

4

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
156.	21521078	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	TMĐT2021	8.68	100	Giỏi
157.	21521113	Châu Hoàng Tuệ Mẫn	TMĐT2021	8.24	100	Giỏi
158.	21521197	Hoàng Ngô Thảo Nguyên	TMĐT2021	8.61	100	Giỏi
159.	21521207	Trần Khôi Nguyên	TMCL2021	8.34	100	Giỏi
160.	21521238	Đỗ Văn Nho	TMĐT2021	8.12	100	Giỏi
161.	21521371	Lê Nguyễn Diễm Quỳnh	TMCL2021	8.52	98	Giỏi
162.	21521462	Nguyễn Phước Thiện	TMĐT2021	8.99	100	Giỏi
163.	21521489	Đoàn Ngọc Quỳnh Thư	TMĐT2021	9.31	100	Xuất sắc
164.	21521517	Trần Anh Thy	TMCL2021	8.65	100	Giỏi
165.	21521526	Man Ngô Thủy Tiên	TMCL2021	9.04	100	Xuất sắc
166.	21521533	Thiều Vĩnh Tiến	TMCL2021	8.58	100	Giỏi
167.	21521557	Nguyễn Thị Thủy Trang	TMCL2021	8.95	98	Giỏi
168.	21521619	Trần Tịnh Minh Tú	TMCL2021	9.24	100	Xuất sắc
169.	21521870	Nguyễn Lê Won Bin	TMCL2021	8.24	100	Giỏi
170.	21521875	Lê Nhật Bình	TMCL2021	8.15	100	Giỏi
171.	21521888	Trần Thị Minh Châu	TMCL2021	8.86	100	Giỏi
172.	21521889	Nguyễn Thị Bích Chi	TMĐT2021	8.69	100	Giỏi
173.	21521912	Phùng Vĩnh Đắc	TMCL2021	8.61	98	Giỏi
174.	21521918	Châu Ngọc Bửu Đăng	TMĐT2021	8.56	100	Giỏi
175.	21521919	Đào Hải Đăng	TMĐT2021	8.16	93	Giỏi
176.	21521925	Nguyễn Thị Bích Dao	TMCL2021	8.37	98	Giỏi
177.	21521948	Phạm Tiến Đạt	TMCL2021	8.14	100	Giỏi
178.	21521953	Lương Thị Thúy Diễm	TMCL2021	8.17	100	Giỏi
179.	21521956	Nguyễn Duy Đông	TMĐT2021	8.29	100	Giỏi
180.	21522042	Nguyễn Thị Thúy Hằng	TMCL2021	8.33	100	Giỏi
181.	21522044	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	TMĐT2021	8.51	100	Giỏi
182.	21522076	Nguyễn Trung Hiếu	TMCL2021	8.74	100	Giỏi
183.	21522083	Huỳnh Phú Hoài	TMĐT2021	8.15	98	Giỏi
184.	21522109	Từ Thị Huệ	TMCL2021	8.88	100	Giỏi
185.	21522130	Bùi Thị Hương	TMCL2021	8.96	100	Giỏi
186.	21522148	Ngô Quốc Huy	TMCL2021	9.14	97	Xuất sắc
187.	21522155	Nguyễn Lương Huy	TMCL2021	8.6	96	Giỏi
188.	21522175	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	TMĐT2021	8.15	100	Giỏi
189.	21522186	Bùi Đức Thái Vĩ Khang	TMĐT2021	8.49	95	Giỏi
190.	21522291	Phạm Thị Trúc Linh	TMĐT2021	8.6	100	Giỏi
191.	21522355	Đỗ Giang Nam	TMĐT2021	8.41	100	Giỏi
192.	21522368	Nguyễn Thị Kim Nga	TMĐT2021	8.43	100	Giỏi
193.	21522427	Lê Yến Nhi	TMĐT2021	8.96	100	Giỏi
194.	21522428	Mai Trần Phương Nhi	TMCL2021	8.2	100	Giỏi
195.	21522454	Nguyễn Nhật Long Phi	TMCL2021	8.41	100	Giỏi
196.	21522474	Nguyễn Mai Hữu Phúc	TMCL2021	8.72	100	Giỏi

5

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
197.	21522489	Huỳnh Quốc Quân	TMĐT2021	8.19	100	Giỏi
198.	21522493	Nguyễn Hoàng Quân	TMCL2021	8.37	98	Giỏi
199.	21522534	Vưu Mỹ Quyên	TMĐT2021	8.04	98	Giỏi
200.	21522539	Trần Trúc Quỳnh	TMCL2021	8.99	100	Giỏi
201.	21522609	Trần Hạnh Thảo	TMĐT2021	8.92	100	Giỏi
202.	21522630	Võ Minh Thiện	TMCL2021	8.31	100	Giỏi
203.	21522647	Nguyễn Anh Thư	TMCL2021	8.66	95	Giỏi
204.	21522663	Trần Ái Thủy	TMĐT2021	8.19	95	Giỏi
205.	21522691	Nguyễn Thị Bích Trâm	TMĐT2021	8.26	90	Giỏi
206.	21522709	Phan Minh Trí	TMĐT2021	8.38	95	Giỏi
207.	21522711	Đỗ Nguyên Triết	TMĐT2021	8.18	98	Giỏi
208.	21522737	Hoàng Văn Tú	TMCL2021	8.9	98	Giỏi
209.	21522738	Lê Tú	TMCL2021	8.31	95	Giỏi
210.	21522782	Phạm Thị Cẩm Vân	TMĐT2021	8.32	100	Giỏi
211.	21522787	Nguyễn Thị Tường Vi	TMĐT2021	8.32	100	Giỏi
212.	21522825	Lê Thị Thanh Tâm	TMCL2021	9.19	97	Xuất sắc

Danh sách gồm 212 sinh viên.


